

Số: 312/CV-PTIC

Độc lập – Tự do – Hạnh phúcV/v: Giải trình chênh lệch số liệu trước và sau
soát xét, ý kiến ngoại trừ KT

Hà Nội, ngày 29 tháng 2 năm 2017

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Trước hết Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Ủy ban và Quý Sở đã nhiệt tình hỗ trợ Công ty chúng tôi công bố thông tin trong thời gian qua.

- Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN (PTIC)
- Người đại diện: Nguyễn Văn Độ
- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Mã CP: PTC niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 V/v: Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện đã gửi báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh. Trong đó, Báo cáo tài chính do Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn tài chính quốc tế phát hành trong đó có sự chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán, và một số ý kiến kiểm toán ngoại trừ :

1. Sai lệch một số chỉ tiêu trong bảng cân đối kế toán và kết quả kinh doanh do báo cáo tài chính sau soát xét của công ty mẹ và Công ty CP Xây lắp Bưu điện Miền Trung soát xét có sự điều chỉnh.

2. Một số ý kiến ngoại trừ của kiểm toán:

a. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung chưa trích lập đầy đủ các khoản dự phòng phải thu đã quá hạn thanh toán với số tiền là 802.882.175 đồng. Nếu như Công ty con hạch toán khoản dự phòng này thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, chỉ tiêu “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” sẽ giảm đi 802.882.175 đồng, chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” và chỉ tiêu “Lợi ích cổ đông không kiểm soát” sẽ giảm đi số tiền lần lượt là 412.387.442 đồng và 390.494.733 đồng.”

Giải trình của PTIC: Đây là khoản công nợ phải thu của Công ty con là Công ty CP xây lắp bưu điện Miền Trung. Cuối năm 2017, PTIC sẽ chỉ đạo tiến hành rà soát và trích lập đối với những khoản chưa thu được.

b. “Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly đã chi vượt Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 1.844.308.179 đồng. Nếu như Công ty liên kết hạch toán khoản tiền này vào chi phí, thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, chỉ tiêu “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm đi số tiền là 901.661.776 đồng”

Giải trình của PTIC: Từ năm 2012 đến hết tháng 6/2017 tình hình sản xuất kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn, kết quả kinh doanh thua lỗ các khoản chi từ quỹ khen thưởng, phúc lợi vẫn phát sinh công ty đã chi và sẽ bổ sung nguồn vào những năm sau, trong tình hình kết quả kinh doanh không khả quan công ty sẽ hạch toán các khoản đã chi này vào chi phí trong kỳ

Công ty CP đầu tư và xây dựng Bưu Điện xin giải trình đến Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước và Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận

- Như Kính gửi
- Lưu TCKT, TCHC

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 06 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017



Hà Nội, tháng 8 năm 2017

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 50

11/11/2011
K
U

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

- | | |
|---------------------------|---|
| 1. Ông Võ Anh Linh | Chủ tịch |
| 2. Ông Nguyễn Đức Lương | Thành viên |
| 3. Ông Nguyễn Văn Độ | Thành viên |
| 4. Ông Vũ Viết Tùng | Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 06 năm 2017) |
| 5. Bà Nguyễn Thị Kim Dung | Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 06 năm 2017) |
| 6. Bà Phạm Thị Thu Hà | Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2017) |
| 7. Bà Nguyễn Thị An Ly | Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2017) |

Ban kiểm soát

- | | |
|-------------------------|---|
| 1. Ông Nguyễn Văn Phong | Trưởng Ban kiểm soát |
| 2. Ông Hoàng Trung Dũng | Thành viên |
| 3. Bà Phạm Ngọc Mai | Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 02 năm 2017) |
| 4. Ông Phạm Vĩnh Phú | Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2017) |

Ban Tổng Giám đốc

- | | |
|-------------------------|-------------------|
| 1. Ông Nguyễn Văn Độ | Tổng Giám đốc |
| 2. Ông Nguyễn Công Khởi | Phó Tổng Giám đốc |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ .

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Độ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 36.08/2017/BCSX- IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 08 năm 2017, từ trang 5 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung chưa trích lập đầy đủ các khoản dự phòng phải thu đã quá hạn thanh toán với số tiền là 802.882.175 đồng. Nếu như Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung hạch toán khoản dự phòng này thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, chỉ tiêu “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” sẽ giảm đi 802.882.175 đồng, chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” và chỉ tiêu “Lợi ích cổ đông không kiểm soát” sẽ giảm đi số tiền lần lượt là 412.387.442 đồng và 390.494.733 đồng.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly đã chi vượt Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 1.844.308.179 đồng. Nếu như Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly hạch toán khoản tiền này vào chi phí, thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, chỉ tiêu “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm đi số tiền là 901.661.776 đồng.



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

Kiểm toán/Audit. Kế toán/Accounting. Tư vấn thuế/Tax Consulting. Tài chính/Finance

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ



Phạm Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0747-2013-072-1
Thay mặt và đại diện cho
**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)**
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

HẠN A NH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU B 01a - DN/HN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		496.731.143.936	508.154.382.309
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.091.989.650	50.851.092.689
1. Tiền	111		11.091.989.650	45.076.724.033
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	5.774.368.656
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		242.755.937.566	162.864.131.361
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.3	243.503.917.596	184.415.225.883
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.3	(985.000.000)	(21.689.661.883)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		237.019.970	138.567.361
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		201.084.635.134	255.460.739.715
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	84.721.993.881	205.572.719.665
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	12.667.615.311	18.322.765.425
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.2	37.500.197.500	21.400.325.179
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	103.376.479.000	49.052.938.036
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.8	(38.868.658.124)	(40.575.016.156)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.687.007.566	1.687.007.566
IV. Hàng tồn kho	140		33.469.611.698	36.131.381.631
1. Hàng tồn kho	141	V.9	37.978.582.982	40.640.352.915
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(4.508.971.284)	(4.508.971.284)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.328.969.888	2.847.036.913
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	205.741.207	262.789.172
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.039.411.899	2.584.247.741
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.083.816.782	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU B 01a - DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		164.879.542.340	104.244.935.419
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		56.815.000	229.664.427
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	56.815.000	229.664.427
II. Tài sản cố định	220		8.781.215.463	19.652.238.504
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	3.429.407.463	11.890.778.332
- Nguyên giá	222		20.114.768.800	108.804.000.231
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.685.361.337)	(96.913.221.899)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	5.351.808.000	7.761.460.172
- Nguyên giá	228		5.730.008.000	8.840.269.300
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(378.200.000)	(1.078.809.128)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		46.429.519.498	46.429.519.498
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.12	33.805.321.803	33.805.321.803
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	12.624.197.695	12.624.197.695
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		108.935.899.743	33.160.517.497
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.14	108.685.899.743	22.910.517.497
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.15	5.180.000.000	15.180.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.15	(4.930.000.000)	(4.930.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		676.092.636	4.772.995.493
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	676.092.636	4.772.995.493
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		661.610.686.276	612.399.317.728


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU B 01a - DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		413.112.155.606	381.264.719.238
I. Nợ ngắn hạn	310		211.354.860.454	228.887.249.147
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	28.665.549.498	75.262.390.573
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	15.633.980.567	6.587.268.198
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.20	5.654.871.953	12.155.525.363
4. Phải trả người lao động	314		1.427.786.562	3.354.862.468
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	3.817.420.424	7.139.605.424
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	34.729.612.613	53.812.435.063
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21	121.281.499.720	72.310.282.920
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		19.941.800	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		124.197.317	(1.735.120.862)
II. Nợ dài hạn	330		201.757.295.152	152.377.470.091
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.226.061.818	1.226.061.818
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	1.197.900.000	1.284.302.273
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22	199.333.333.334	149.867.106.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		248.498.530.670	231.134.598.490
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	248.498.530.670	231.134.598.490
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		179.999.990.000	179.999.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		179.999.990.000	179.999.990.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		35.684.263.731	35.684.263.731
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.646.195.601	27.646.195.601
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(6.262.332.356)	(31.372.462.234)
- LNST chưa phân phối lũy kế kỳ trước	421a		(18.978.349.328)	(48.423.150.912)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.716.016.972	(4.978.323.463)
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		11.430.413.694	19.176.611.392
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		661.610.686.276	612.399.317.728


Hoàng Công Huân
 Người lập
 Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

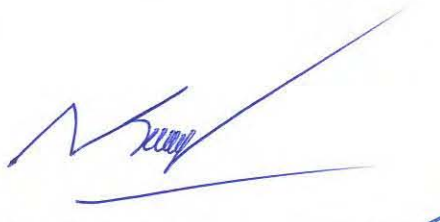

Trần Thị Len
 Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Độ
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU B 02a - DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	30.862.755.406	148.391.509.590
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		63.025.520	486.190.301
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		30.799.729.886	147.905.319.289
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	28.720.319.799	144.379.161.257
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.079.410.087	3.526.158.032
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	28.398.256.683	18.939.510.412
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(2.747.680.560)	4.485.202.908
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.114.875.071	6.470.711.269
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		3.393.262.166	489.319.916
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.973.983.335	1.747.567.056
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	23.565.700.619	9.682.942.443
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.078.925.542	7.039.275.953
12. Thu nhập khác	31	VI.7	2.074.657.780	61.633.098.034
13. Chi phí khác	32	VI.8	1.151.323.867	1.564.212.434
14. Lợi nhuận khác	40		923.333.913	60.068.885.600
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.002.259.455	67.108.161.553
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	15.298.845.607
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.002.259.455	51.809.315.946
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		15.754.947.874	52.533.957.419
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(3.752.688.419)	(724.641.473)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	875	2.919
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	875	2.919


Hoàng Công Huân
Người lập
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017


Trần Thị Len
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Độ
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017
 (Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU B 03a- DN/HN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	12.002.259.455	67.108.161.553
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.408.305.811	1.778.593.846
Các khoản dự phòng	03	(4.863.419.621)	(3.832.135.976)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(216.998.294)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.755.808.168)	(82.648.387.896)
Chi phí lãi vay	06	17.114.875.071	6.470.711.269
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	14.906.212.548	(11.340.055.498)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	22.155.936.557	81.811.545.822
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(7.930.705.782)	34.184.970.546
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(55.856.194.435)	(116.203.175.078)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	1.069.372.277	(372.199.559)
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	(60.088.691.713)	(62.500.552.853)
Tiền lãi vay đã trả	14	(15.899.379.450)	(6.617.258.769)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(443.857.547)	(14.231.323.408)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	3.945.229.912
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(4.377.760.180)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(102.087.307.545)	(95.700.579.065)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHD khác	21	(61.000.500)	(2.812.655.454)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.797.100.000	35.154.166.667
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(198.452.609)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	20.000.000.000	58.047.469.998
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(73.640.217.410)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	10.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.126.664.225	18.721.777.649
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(32.975.906.294)	109.110.758.860

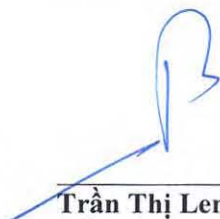
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU B 03a- DN/HN
Đơn vị tính: VND

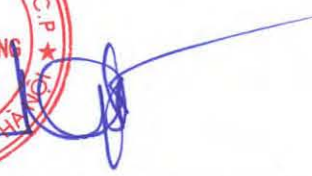
CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	439.070.673.738	240.184.895.997
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(338.766.562.938)	(255.973.540.907)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(580.279.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	100.304.110.800	(16.368.924.110)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(34.759.103.039)	(2.958.744.315)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	50.851.092.689	20.978.770.350
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(259.619)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	16.091.989.650	18.019.766.416



Hoàng Công Huân
Người lập
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017



Trần Thị Len
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Độ
Tổng Giám đốc

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 31/2004/QĐ-BBCVT ngày 09 tháng 07 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn Thông. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006203 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 12 năm 2004. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 9 lần thay đổi giấy đăng ký kinh doanh, hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 23 tháng 10 năm 2015.

Công ty có tên giao dịch: Post and Telecommunications investment and Construction Joint Stock Company (Ptic.,JSC).

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 77 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 199 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng các công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
- Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học, thông gió, điều hòa và cấp thoát nước;
- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng bao gồm cả kỹ thuật hạ tầng và trang trí nội ngoại thất;
- Xây dựng nền móng công trình và kết cấu hạ tầng: Sân, cầu, đường, sân bay, bến cảng, đê điều, đường dây và trạm biến thế, cột anten;
- Tư vấn, thiết kế quy hoạch mạng viễn thông, mạng máy tính, điện dân dụng, công nghiệp; Thiết kế thông tin bưu chính viễn thông; Thiết kế kết cấu: Đối với công trình xây dựng dân dụng, công trình xây dựng ngành bưu điện; Thiết kế cấp thoát nước: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế cấp thoát nước cho hệ thống phòng cháy, chữa cháy; Thiết kế quy hoạch mặt bằng, kiến trúc nội thất: Đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Lập dự án đầu tư các công trình bưu chính, viễn thông, công trình thông tin; các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định pháp luật;
- Khảo sát công trình xây dựng;
- Tư vấn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, khảo sát, lập dự toán các công trình xây dựng chuyên ngành bưu chính viễn thông, các công trình xây dựng, công nghiệp khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu khác phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp và nhu cầu xây dựng dân dụng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu liên quan khác phục vụ hoạt động của đơn vị;
- Sản xuất các sản phẩm từ nhựa dùng trong xây dựng, dùng trong các công trình bưu điện và dân dụng;
- Sản xuất vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin;
- Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông, tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hóa chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu máy móc thiết bị xây dựng, điện tử, viễn thông, ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất;
- Đầu tư kinh doanh nhà ở, đầu tư kinh doanh xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và dân dụng.
- Lắp đặt, bảo trì bảo dưỡng sửa chữa, trợ giúp vận hành và khai thác các công trình, thiết bị viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Hoạt động viễn thông có dây (Không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Hoạt động viễn thông không dây (Không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Đại lý bảo hiểm; và
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký kinh doanh).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh thương mại, dịch vụ được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, trong lĩnh vực đầu tư đầu tư kinh doanh bất động sản được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty mẹ	Địa chỉ
Văn phòng Công ty	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
Xí nghiệp 3	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
Xí nghiệp 5	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
Xí nghiệp 7	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Tòa Nhà Kim Tâm Hải, số 27 đường Trường Trinh, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh
Công ty con	Địa chỉ
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	Lô 17H2 khu đô thị Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	50B Nguyễn Du, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 2	270 Lô B10 Thành Thái, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Cấp Quang Việt Nam VINA-OFC	Số 1 ngõ Núi Trúc, đường Giang Văn Minh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	Xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Xã Tân Thành, huyện Bắc Giang, tỉnh Hà Giang

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện và các Công ty con là Công ty Cổ phần PTIC-ZTE Công nghệ viễn thông, Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 2; các Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Cấp Quang Việt Nam VINA-OFC, Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly và Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 cho mục đích công bố thông tin theo quy định đối với các tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu hợp nhất biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của niên độ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán và Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao (Tiếp theo)

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán	02 - 05
Quyền sử dụng đất có thời hạn	36

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí thuê văn phòng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng không quá ba năm đối với công cụ dụng cụ, chi phí thuê văn phòng.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo giá trị còn lại của phần tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại cổ phiếu quỹ tài phát hành sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến việc phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trình bày trên Báo cáo tài chính là số lũy kế của kết quả hoạt động kinh doanh chưa quyết toán hoặc chưa được phân phối lại tại ngày lập báo cáo. Đại hội đồng cổ đông sẽ phê duyệt Báo cáo tài chính và thực hiện phân phối lợi nhuận để trích lập các quỹ, chia cổ tức theo tỷ lệ góp vốn hoặc để lại bổ sung vốn kinh doanh phù hợp với các quy định pháp lý hiện hành, theo Điều lệ Công ty và các Nghị quyết được thông qua tại Đại hội cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày tại thuyết minh số VII.1.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	743.103.521	2.329.629.986
Tiền gửi ngân hàng	10.348.886.129	37.585.571.547
Tiền đang chuyển	-	5.161.522.500
Các khoản tương đương tiền (i)	5.000.000.000	5.774.368.656
Cộng	16.091.989.650	50.851.092.689

- (i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân, lãi suất 4%/năm.

2. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phạm Vĩnh Phú	-	19.900.000.000
Tạ Anh Tú (i)	400.000.000	400.000.000
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	-	1.100.325.179
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (ii)	37.100.197.500	-
Cộng	37.500.197.500	21.400.325.179

- (i) Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện cho Ông Tạ Anh Tú vay theo hợp đồng số 3012/HĐVV-PTIC ngày 30 tháng 12 năm 2016 thời hạn vay là 06 tháng, và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/TAT-PTIC ngày 25 tháng 06 năm 2017 gia hạn thời gian vay 06 tháng. Số tiền cho vay là 400.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 13,5%/năm. Mục đích cho vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

- (ii) Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện cho Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly vay theo các hợp đồng cho vay vốn với thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày Công ty nhận được khoản vay theo từng đợt với lãi suất 12%/năm. Mục đích của khoản vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chi tiết như sau:

Hợp đồng vay vốn số 1603/HĐVV -PTIC - SDY ngày 16 tháng 03 năm 2017 và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng vay vốn số 1603/HĐVV -PTIC - SDY ngày 30 tháng 06 năm 2017 với tổng số tiền vay tối đa là 9.000.000.000 đồng. Khoản vay được thế chấp bằng các 23 phương tiện vận tải và quyền sử dụng đất số AD 562559 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 28 tháng 11 năm 2005 tại số 424 đường Nguyễn Chí Thanh, Thành phố Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk với diện tích 1.655 m².

Hợp đồng vay vốn số 2404/HĐVV -PTIC - SDY ngày 24 tháng 04 năm 2017 và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng vay vốn số 2404/HĐVV -PTIC - SDY ngày 30 tháng 06 năm 2017 với tổng số tiền vay tối đa là 6.500.000.000 đồng. Khoản vay được thế chấp bằng quyền sử dụng đất số AD 562559 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 28 tháng 11 năm 2005 tại số 424 đường Nguyễn Chí Thanh, Thành phố Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk với diện tích 1.655 m².

Hợp đồng vay vốn số 3005/HĐVV -PTIC - SDY ngày 30 tháng 05 năm 2017 và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng vay vốn số 3005/HĐVV -PTIC - SDY ngày 30 tháng 06 năm 2017 với tổng số tiền vay tối đa 24.300.000.000 đồng. Khoản vay được thế chấp bằng quyền sử dụng đất số AD 562559 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 28 tháng 11 năm 2005 tại số 424 đường Nguyễn Chí Thanh, Thành phố Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk với diện tích 1.655 m².



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2017				01/01/2017			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông và In Bưu Điện	20.000	1.175.000.000	190.000.000	985.000.000	20.000	1.175.000.000	200.000.000	975.000.000
Công ty Cổ phần kho vận Miền Nam	2.197.036	50.676.507.993	57.122.936.000	-	-	-	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	8.753.200	191.652.409.603	203.249.304.000	-	6.940.400	160.277.330.883	141.653.564.000	18.623.766.883
Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	-	-	-	-	1.290.000	21.962.895.000	20.124.000.000	1.838.895.000
Công ty Cổ phần Sông Ba	-	-	-	-	100.000	1.000.000.000	748.000.000	252.000.000
Cộng		243.503.917.596	260.562.240.000	985.000.000		184.415.225.883	162.725.564.000	21.689.661.883

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu khách hàng xây lắp	72.286.047.947	69.635.575.972
Phải thu khách hàng thương mại	10.466.504.529	56.317.715.589
Phải thu khách hàng hoạt động sản xuất	-	78.919.420.335
Phải thu khách hàng sản phẩm khác	1.969.441.405	700.007.769
Cộng	84.721.993.881	205.572.719.665

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trả trước cho người bán về thương mại	2.859.318.228	10.207.900.099
- Công ty TNHH VINACOMPOUND	-	9.728.840.875
- Các đối tượng khác	2.859.318.228	479.059.224
Trả trước cho người bán về xây lắp	9.808.297.083	7.909.530.678
- Công ty Cổ phần Kim Tâm Hải	2.000.000.000	2.000.000.000
- Các đối tượng khác	7.808.297.083	5.909.530.678
Trả trước người bán về hoạt động khác	-	205.334.648
Cộng	12.667.615.311	18.322.765.425

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Ban quản lý dự án tại thành phố Vinh	1.003.544.341	1.003.544.341
BHXH, BHYT phải thu CBCNV	204.828.145	342.469.693
Phải thu các khoản tạm ứng	44.447.288.083	40.334.528.720
Ký cược, ký quỹ	50.877.226.669	464.882.415
- Công ty Cổ phần SCI (i)	50.000.000.000	-
- Ký quỹ đối tượng khác	877.226.669	464.882.415
Phải thu cổ tức của HJS	5.257.670.000	-
Các đối tượng khác	1.585.921.762	6.907.512.867
Cộng	103.376.479.000	49.052.938.036
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	56.815.000	229.664.427
Cộng	56.815.000	229.664.427

(i) Khoản ký cược, ký quỹ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện tại Công ty Cổ phần SCI theo hợp đồng đặt cọc mua bán cổ phần số 01/2017/HĐĐC-SCI ngày 16 tháng 03 năm 2017 để mua lại cổ phần của Công ty Cổ phần SCI Nghệ An thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần SCI.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

7. Chi phí trả trước

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Cộng cụ dụng cụ xuất dùng	135.333.077	163.044.126
Chi phí bảo hiểm	1.251.228	48.724.297
Chi phí thuê mặt bằng	69.156.902	-
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	-	11.463.458
Các khoản khác	-	39.557.291
Cộng	205.741.207	262.789.172
b) Dài hạn		
Cộng cụ dụng cụ xuất dùng	676.092.636	2.094.371.115
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	-	1.006.592.715
Chi phí bóc tầng phủ mỏ đá Chư Sê	-	283.554.406
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	-	1.277.091.802
Các khoản khác	-	111.385.455
Cộng	676.092.636	4.772.995.493

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09a - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

8. Nợ xấu

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần gang thép Vạn Lợi Phú Thọ	1.646.295.000	-	1.646.295.000	1.646.295.000	-	1.646.295.000
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Nguyên	1.238.690.800	-	1.238.690.800	1.238.690.800	-	1.238.690.800
Viễn Thông Tuyên Quang	766.684.880	-	766.684.880	766.684.880	-	766.684.880
Ban giải phóng mặt bằng đường xuyên Á	217.041.279	-	217.041.279	217.041.279	-	217.041.279
Viễn thông tỉnh Bắc Kan	319.522.398	-	319.522.398	319.522.398	-	319.522.398
Công ty mạng lưới Viettel -Tập đoàn viễn thông Quân Đội	469.092.762	-	469.092.762	469.092.762	-	469.092.762
Ban điều hành Dự án Thủy điện Xekaman3	-	-	-	10.152.103.031	-	10.152.103.031
Các đối tượng khác	53.620.609.166	19.409.278.161	34.211.331.005	45.691.334.049	19.925.748.043	25.765.586.006
Cộng	58.277.936.285	19.409.278.161	38.868.658.124	60.500.764.199	19.925.748.043	40.575.016.156

9. Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.835.119.199	-	9.326.457.972	-
Công cụ, dụng cụ	35.548.818	-	107.484.289	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	29.325.841.282	-	24.581.615.485	-
Thành phẩm	391.337.917	-	717.321.015	-
Hàng hoá	6.359.937.342	(4.508.971.284)	5.852.433.166	(4.508.971.284)
Hàng gửi bán	30.798.424	-	55.040.988	-
Cộng	37.978.582.982	(4.508.971.284)	40.640.352.915	(4.508.971.284)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2017	7.291.347.671	80.450.461.907	19.557.761.494	1.504.429.159	108.804.000.231
Mua trong kỳ	-	55.455.000	-	-	55.455.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(89.000.000)	(4.674.303.785)	-	(4.763.303.785)
Giảm khác (*)	(4.882.620.676)	(71.863.136.999)	(7.196.852.697)	(38.772.274)	(83.981.382.646)
Tại ngày 30/06/2017	2.408.726.995	8.553.779.908	7.686.605.012	1.465.656.885	20.114.768.800
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	4.358.792.913	75.557.246.921	15.492.752.906	1.504.429.159	96.913.221.899
Khấu hao trong kỳ	93.114.504	743.489.021	528.504.212	-	1.365.107.737
Thanh lý, nhượng bán	-	(20.766.667)	(4.674.303.785)	-	(4.695.070.452)
Giảm khác (*)	(3.171.209.284)	(68.895.368.527)	(4.792.547.762)	(38.772.274)	(76.897.897.847)
Tại ngày 30/06/2017	1.280.698.133	7.384.600.748	6.554.405.571	1.465.656.885	16.685.361.337
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	2.932.554.758	4.893.214.986	4.065.008.588	-	11.890.778.332
Tại ngày 30/06/2017	1.128.028.862	1.169.179.160	1.132.199.441	-	3.429.407.463

(*) Giảm khác các tài sản cố định hữu hình của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly do Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly không còn được hợp nhất là Công ty con trong báo cáo hợp nhất Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 9.973.299.150 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 89.392.252.418 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã mang đi thế chấp các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 438.322.015 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 7.567.876.803 đồng).

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2017	8.462.069.300	378.200.000	8.840.269.300
Giảm khác (*)	(3.110.261.300)	-	(3.110.261.300)
Tại ngày 30/06/2017	5.351.808.000	378.200.000	5.730.008.000
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2017	700.609.128	378.200.000	1.078.809.128
Khấu hao trong kỳ	43.198.074	-	43.198.074
Giảm khác (*)	(743.807.202)	-	(743.807.202)
Tại ngày 30/06/2017	-	378.200.000	378.200.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2017	7.761.460.172	-	7.761.460.172
Tại ngày 30/06/2017	5.351.808.000	-	5.351.808.000

(*) Giảm khác các tài sản cố định vô hình của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly do Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly không còn được hợp nhất là Công ty con trong báo cáo hợp nhất Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 378.200.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 378.200.000 đồng).

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Dự án tiểu khu đô thị Viễn thông & Công nghệ thông tin Nghệ An	33.752.884.925	33.752.884.925	33.752.884.925	33.752.884.925
Dự án tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	52.436.878	52.436.878	52.436.878	52.436.878
Cộng	33.805.321.803	33.805.321.803	33.805.321.803	33.805.321.803

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Đầu tư mua sắm tài sản cố định	589.446.250	589.446.250
- Mua đất tại thành phố Hồ Chí Minh	589.446.250	589.446.250
Xây dựng cơ bản dở dang	12.034.751.445	12.034.751.445
- Dự án đất C30 TP Hồ Chí Minh	5.037.401.712	5.037.401.712
- Dự án dây chuyền lắp ráp điện thoại	6.997.349.733	6.997.349.733
Cộng	12.624.197.695	12.624.197.695

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

14. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2017				01/01/2017			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ	Số lượng cổ phần	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ
		VND	VND	VND		VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Cấp Quang Việt Nam VINA-OFC	2.227.500	14.210.875.000	(*)	23.551.968.016	2.227.500	14.210.875.000	(*)	22.910.517.497
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	2.200.000	17.115.203.161	14.300.000.000	8.741.902.670	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	4.779.700	73.640.217.410	92.726.180.000	76.392.029.057	-	-	-	-
Cộng		104.966.295.571	(*)	108.685.899.743		14.210.875.000	(*)	22.910.517.497

(*) Công ty không có căn cứ xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam VINA - OFC để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp bởi vì Công ty này chưa niêm yết nên không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09a - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

14. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cáp Quang Việt Nam VINA-OFC	Hà Nội	25,00%	25,00%	Sản xuất, kinh doanh sợi cáp quang, thiết bị, vật tư công nghệ, viễn thông.
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	Gia Lai	48,89%	48,89%	Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại, dịch vụ vận chuyển.
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Hà Giang	22,76%	22,76%	Sản xuất điện.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Hoạt động xây lắp	12.969.720.819	12.969.720.819	15.384.734.421	15.384.734.421
Hoạt động thương mại	15.308.403.134	15.308.403.134	24.974.357.980	24.974.357.980
Hoạt động sản xuất	-	-	34.249.428.228	34.249.428.228
Hoạt động dịch vụ	332.252.368	332.252.368	107.291.600	107.291.600
Hoạt động khác	55.173.177	55.173.177	546.578.344	546.578.344
Cộng	28.665.549.498	28.665.549.498	75.262.390.573	75.262.390.573

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Người mua trả tiền trước về xây lắp	13.562.148.460	5.602.335.963
Người mua trả tiền trước về thương mại	1.908.865.557	984.932.235
Người mua trả tiền trước về hoạt động khác	162.966.550	-
Cộng	15.633.980.567	6.587.268.198

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí dự án, công trình	3.213.342.699	4.554.344.557
Chi phí phát hành trái phiếu	-	800.000.000
Chi phí dịch vụ Funvoice	408.597.191	-
Trích trước chi phí mua phụ gia	-	438.743.483
Trích trước chi phí lãi vay	58.333.333	1.145.774.447
Chi phí phải trả khác	137.147.201	200.742.937
Cộng	3.817.420.424	7.139.605.424

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

19. Phải trả ngắn hạn/ dài hạn khác

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	601.260.788	691.675.438
BHXH, BHYT, BHTN	-	1.004.339.763
Phải trả về cổ phần hoá	51.520.000	51.520.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.198.575.000	1.198.575.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	32.878.256.825	50.866.324.862
- Các chủ nhiệm công trình	22.683.408.722	40.114.561.122
- Các khoản phải trả khác	10.194.848.103	10.751.763.740
Cộng	34.729.612.613	53.812.435.063
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.197.900.000	1.284.302.273
- Tiền đặt cọc thực hiện công trình	1.197.900.000	1.284.302.273
Cộng	1.197.900.000	1.284.302.273

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2017	Giảm khác (*)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	180.735.025	6.489.425	3.230.769.311	7.033.064.155	3.989.519.294
Thuế xuất nhập khẩu	422.521.846	-	-	-	422.521.846
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.616.582.497	9.963.267	-	455.198.459	4.081.744.223
Thuế thu nhập cá nhân	176.411.451	37.756.295	308.012.240	337.123.342	243.278.848
Tiền thuê đất	-	-	178.058.405	178.058.405	-
Thuế tài nguyên	-	124.194.620	124.194.620	-	-
Thuế, phí và lệ phí	1.258.621.134	1.761.220.164	238.984.352	637.604.206	3.418.461.152
Cộng	5.654.871.953	1.939.623.771	4.080.018.928	8.641.048.567	12.155.525.363

(*) Giảm khác các khoản thuế và các khoản phải nộp nhà nước của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly do Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly không còn được hợp nhất là Công ty con trong báo cáo hợp nhất Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2017		Trong kỳ			01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Vay	Trả	Giảm khác (*)	Giá trị	Số có khả năng
	VND	nợ VND	VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
a. Vay ngắn hạn	121.281.499.720	121.281.499.720	427.670.871.238	338.956.964.938	39.100.197.500	71.667.790.920	71.667.790.920
Vay tổ chức tín dụng	15.079.758.560	15.079.758.560	14.717.044.655	54.025.368.028	-	54.388.081.933	54.388.081.933
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	-	-	-	34.072.872.390	-	34.072.872.390	34.072.872.390
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng {i}	7.794.194.724	7.794.194.724	3.568.592.378	3.878.383.367	-	8.103.985.713	8.103.985.713
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng {ii}	6.873.824.893	6.873.824.893	11.148.452.277	16.074.112.271	-	11.799.484.887	11.799.484.887
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	411.738.943	411.738.943	-	-	-	411.738.943	411.738.943
Vay tổ chức kinh tế khác	92.679.081.159	92.679.081.159	405.771.555.487	275.992.276.828	37.100.197.500	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt {iii}	42.679.081.159	42.679.081.159	260.792.232.528	218.113.151.369	-	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	-	-	56.379.125.459	56.379.125.459	-	-	-
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ {iv}	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện	-	-	38.600.197.500	1.500.000.000	37.100.197.500	-	-
Vay cá nhân {v}	13.522.660.001	13.522.660.001	7.182.271.096	8.939.320.082	2.000.000.000	17.279.708.987	17.279.708.987
Ngô Thị Cúc	1.030.000.000	1.030.000.000	-	-	-	1.030.000.000	1.030.000.000
Hoàng Đình Chiến	620.000.000	620.000.000	-	-	-	620.000.000	620.000.000
Phạm Vĩnh Phú	1.500.000.000	1.500.000.000	3.400.000.000	1.900.000.000	-	-	-
Vay các cá nhân khác	10.372.660.001	10.372.660.001	3.782.271.096	7.039.320.082	2.000.000.000	15.629.708.987	15.629.708.987
Cộng vay ngắn hạn	121.281.499.720	121.281.499.720	427.670.871.238	338.956.964.938	39.100.197.500	71.667.790.920	71.667.790.920

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

	30/06/2017		Trong kỳ			01/01/2017	
	Số có khả năng trả		Vay	Trả	Giảm khác (*)	Số có khả năng	
	Giá trị VND	nợ VND	VND	VND	VND	Giá trị VND	trả nợ VND
b. Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	642.492.000	642.492.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	-	-	-	-	-	147.492.000	147.492.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	-	-	-	-	-	495.000.000	495.000.000
Tổng cộng các khoản vay ngắn hạn	121.281.499.720	121.281.499.720	427.670.871.238	338.956.964.938	39.100.197.500	72.310.282.920	72.310.282.920

(*) Giảm khác các khoản vay của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly do Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly không còn được hợp nhất là Công ty con trong báo cáo hợp nhất Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện.

{i} Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01.2016HDDTBHM940 ngày 16 tháng 04 năm 2016 với hạn mức cho vay tối đa là 12.000.000.000 đồng. Thời gian cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay và thời hạn cho vay được quy định cụ thể trong giấy nhận nợ. Khoản vay được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và phương tiện vận tải của Công ty Cổ phần Xây lắp và Bưu điện Miền Trung.
- Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01.2017/AGR_XLBDMT ngày 12 tháng 05 năm 2017 với hạn mức cho vay tối đa là 12.000.000.000 đồng. Thời gian cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay và thời hạn cho vay được quy định cụ thể trong giấy nhận nợ. Khoản vay được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và phương tiện vận tải của Công ty Cổ phần Xây lắp và Bưu điện Miền Trung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

- {ii} Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/7609489/HĐTD ngày 23 tháng 05 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh là 30.000.000.000 đồng. Thời gian cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cho vay và lãi suất vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích sử dụng của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động, phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức tín chấp.
 - Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/7609489/HĐTD ngày 19 tháng 06 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh là 25.000.000.000 đồng. Thời gian cấp hạn mức tín dụng kể từ ngày ký đến hết ngày 31 tháng 05 năm 2018. Thời hạn cho vay và lãi suất vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích sử dụng của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động, phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức tín chấp.
- {iii} Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện vay Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt là khoản vay ký quỹ công ty chứng khoán (margin). Theo đó, Công ty vay tại công ty chứng khoán và chịu khoản lãi suất theo thông báo lãi hàng tháng.
- {iv} Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện vay Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ theo hợp đồng vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh số 1703/2017/HĐTD ngày 17 tháng 03 năm 2017 với tổng số tiền là 50.000.000.000 đồng. Thời hạn của khoản vay là 06 tháng với lãi suất 7%/năm và thực hiện trả lãi hàng tháng. Mục đích của khoản vay để phục vụ sản xuất kinh doanh. Hợp đồng không quy định biện pháp đảm bảo cho khoản vay.
- {v} Các khoản vay cá nhân có thời hạn từ 01 đến 12 tháng, lãi suất thỏa thuận. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động thực hiện sản xuất kinh doanh. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

22. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay tổ chức tín dụng	-	-	-	319.598.000	1.309.598.000	1.309.598.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	-	-	-	319.598.000	319.598.000	319.598.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	-	-	-	990.000.000	990.000.000	990.000.000
Trái phiếu phát hành {i}	200.000.000.000	200.000.000.000	160.000.000.000	110.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư MARINA	-	-	-	110.000.000.000	110.000.000.000	110.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng Khoán IB	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	150.000.000.000	150.000.000.000	110.000.000.000	-	40.000.000.000	40.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu {i}	(666.666.666)	(666.666.666)	-	-	(800.000.000)	(800.000.000)
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	(642.492.000)	(642.492.000)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	-	-	-	-	(147.492.000)	(147.492.000)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	-	-	-	-	(495.000.000)	(495.000.000)
Cộng	199.333.333.334	199.333.333.334	160.000.000.000	110.319.598.000	149.867.106.000	149.867.106.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

22. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

{i} Ngày 28 tháng 12 năm 2016, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng giá trị là 200.000.000.000 đồng (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100.000.000 đồng). Trái phiếu phải hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 10,5%/năm cho hai kỳ tính lãi đầu tiên (kỳ tính lãi 6 tháng/lần), và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng hoặc kỳ hạn thấp hơn gần nhất 12 tháng hoặc kỳ 365 ngày (nếu không có kỳ hạn 12 tháng) công bố tại Sở Giao dịch của bốn ngân hàng thương mại gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho Công ty TNHH Đầu tư MARINA và Công ty Cổ phần Chứng Khoán IB căn cứ theo các hợp đồng đặt mua trái phiếu số 20161228/HĐ/PTC-MARINA ngày 28 tháng 12 năm 2016 và hợp đồng đặt mua trái phiếu số 20161228/HĐ/PTC-IBSC ngày 28 tháng 12 năm 2016. Theo đó tổng số tiền thu được tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 200.000.000.000 đồng. Tiền thu được để tăng quy mô vốn hoạt động và cơ cấu các khoản nợ của công ty. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu là cổ phiếu lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán IB bao gồm

Bên đảm bảo	Tên tổ chức phát hành	Loại cổ phiếu	Niêm yết	Số lượng cổ phiếu
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Cổ phiếu phổ thông	UPCOM	3.168.800
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	Cổ phiếu phổ thông	HNX	2.200.000
Võ Anh Linh (i)	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Cổ phiếu phổ thông	HOSE	4.350.240
Trần Thị Kim Thoa (i)	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Cổ phiếu phổ thông	HOSE	4.399.998
Phạm Vĩnh Phú (i)	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Cổ phiếu phổ thông	HOSE	2.272.648
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Cổ phiếu phổ thông	UPCOM	3.386.034

(i) Các cá nhân trên là chủ sở hữu hợp pháp các cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (PTC), các chứng khoán này được lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán IB và đã thực hiện phong tỏa các cổ phiếu thuộc sở hữu của các cá nhân trên.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

23. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.999.999	17.999.999
- Cổ phiếu phổ thông	17.999.999	17.999.999
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.999.999	17.999.999
- Cổ phiếu phổ thông	17.999.999	17.999.999

24. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành hai bộ phận hoạt động - Bộ phận xây dựng và Bộ phận kinh doanh thương mại.

Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận xây dựng	- Xây dựng công trình theo hợp đồng
Bộ phận kinh doanh thương mại	- Bán hàng hóa, thành phẩm cấp.
Bộ phận sản xuất kinh doanh	- Sản xuất xi măng
Bộ phận khác	- Dịch vụ cho thuê trạm BTS và dịch vụ Funvoice

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

24. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2017:

	Hoạt động thương mại	Hoạt động xây lắp	Hoạt động sản xuất xi măng	Hoạt động khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	11.056.832.619	128.108.787.904	-	1.969.441.405	141.135.061.928
Tài sản không phân bổ	-	-	-	520.475.624.348	520.475.624.348
Tổng tài sản	11.056.832.619	128.108.787.904	-	522.445.065.753	661.610.686.276
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	17.217.268.691	49.215.278.001	-	-	66.432.546.692
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	346.679.608.914	346.679.608.914
Tổng nợ phải trả	17.217.268.691	49.215.278.001	-	346.679.608.914	413.112.155.606

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

24. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến 30 tháng 06 năm 2017

	Hoạt động thương mại VND	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động sản xuất xi măng VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	18.739.733.098	10.672.747.496	223.159.087	1.227.115.725	30.862.755.406
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	63.025.520	-	63.025.520
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.739.733.098	10.672.747.496	160.133.567	1.227.115.725	30.799.729.886
Giá vốn hàng bán	15.283.479.560	10.241.798.939	2.149.549.425	1.045.491.875	28.720.319.799
Kết quả hoạt động kinh doanh				-	-
Kết quả kinh doanh bộ phận				181.623.850	2.079.410.087
Chi phí phân bổ					-
Chi phí không phân bổ					25.539.683.954
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(23.460.273.867)
Phần lợi nhuận trong các công ty con, công ty liên kết					3.393.262.166
Doanh thu từ các khoản đầu tư					28.398.256.683
Lợi nhuận khác					923.333.913
Chi phí tài chính					(2.747.680.560)
Lợi nhuận trước thuế					12.002.259.455
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					-
Lợi nhuận trong năm					12.002.259.455

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

24. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội và chi nhánh Hồ Chí Minh đặt tại Tòa nhà Kim Tâm Hải, số 27 đường Trường Trinh, phường Tân Thới Nhất, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các công ty con sau:

Công ty Cổ phần PTIC - ZTE Công nghệ Viễn thông tại Lô 17H2 khu đô thị Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung tại 50B Nguyễn Du, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly tại xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păk, tỉnh Gia Lai.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 2 tại số 27 đường Trường Chinh, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Dưới đây là phân tích doanh thu của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Hà Nội	3.847.613.105	84.753.704.926
Hồ Chí Minh	1.332.371.720	417.016.478
Đà Nẵng	25.459.611.494	32.400.293.460
Gia Lai	223.159.087	30.820.494.526
Cộng	30.862.755.406	148.391.509.390

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

24. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình	
	30/06/2017	01/01/2017	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
Hà Nội	566.079.937.198	411.143.497.204	-	626.943.636
Hồ Chí Minh	37.597.287.520	36.728.295.215	-	-
Đà Nẵng	57.933.461.558	78.833.260.814	55.455.000	298.000.000
Gia Lai	-	85.694.264.495	-	1.887.711.818
Cộng	661.610.686.276	612.399.317.728	55.455.000	2.812.655.454

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa	18.739.733.098	93.031.990.358
Doanh thu hoạt động xây lắp	10.672.747.496	23.972.879.913
Doanh thu bán thành phẩm xi măng	223.159.087	23.939.525.066
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.227.115.725	7.447.114.253
Cộng	30.862.755.406	148.391.509.590
Các khoản giảm trừ doanh thu	63.025.520	486.190.301
Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	30.799.729.886	147.905.319.289

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn bán hàng hóa	15.283.479.560	86.301.246.794
Giá vốn hoạt động xây lắp	10.241.798.939	29.477.524.099
Giá vốn thành phẩm xi măng	2.149.549.425	23.022.466.763
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.045.491.875	5.577.923.601
Cộng	28.720.319.799	144.379.161.257

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.263.728.225	996.709.102
Lãi từ việc bán cổ phiếu	19.073.188.645	12.070.680.547
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.850.936.000	4.718.000.000
Lãi bán trái phiếu SCI	210.000.000	936.388.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	398.744	216.998.294
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.069	734.469
Cộng	28.398.256.683	18.939.510.412

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền vay	17.114.875.071	6.470.711.269
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	297.512.500
Lỗ chênh lệch tỷ giá	22.785.699	22.045.307
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(20.219.661.883)	(2.545.548.012)
Chi phí tài chính khác	334.320.553	240.481.844
Cộng	(2.747.680.560)	4.485.202.908

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nhân công	211.508.068	226.117.792
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.625.000	-
Chi phí tiếp khách	870.805.198	482.512.183
Chi phí vận chuyển	151.643.954	214.608.058
Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.306.613	371.150.000
Chi phí bằng tiền khác	575.094.502	453.179.023
Cộng	1.973.983.335	1.747.567.056

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu quản lý	122.200.949	226.356.055
Chi phí nhân viên quản lý	3.757.742.190	5.251.823.770
Chi phí đồ dùng văn phòng	617.902.309	755.037.109
Chi phí khấu hao tài sản cố định	260.082.870	374.282.836
Thuế, phí và lệ phí	69.729.681	386.813.712
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	15.356.242.262	(1.286.587.964)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.003.096.936	2.049.740.509
Chi phí bằng tiền khác	1.378.703.422	1.925.476.416
Cộng	23.565.700.619	9.682.942.443

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

7. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.641.143.943	63.981.623.882
Điều chỉnh giảm doanh thu cho thuê năm 2015	-	(2.359.848.485)
Các khoản khác	433.513.837	11.322.637
Cộng	2.074.657.780	61.633.098.034

8. Chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lỗi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	118.650.000
Nộp phạt vi phạm hành chính, hợp đồng	835.962.041	1.188.429.572
Các khoản khác	315.361.826	257.132.862
Cộng	1.151.323.867	1.564.212.434

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	15.298.845.607
<i>Trong đó:</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	-	15.286.563.519
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	-	12.282.088

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	15.754.947.874	52.533.957.419
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.754.947.874	52.533.957.419
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	17.999.999	17.999.999
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	875	2.919

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.886.968.199	53.693.483.712
Chi phí nhân công	4.857.004.622	25.089.270.605
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.248.987.915	1.778.593.846
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.059.953.643	14.336.724.741
Chi phí bằng tiền khác	2.755.348.675	4.423.179.166
Cộng	29.808.263.054	99.321.252.070

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Cấp Quang Việt Nam VINA-OFC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Công ty liên kết

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu khác	5.895.205.308	-
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	637.535.308	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	5.257.670.000	-
Phải thu về cho vay	37.100.197.500	-
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	37.100.197.500	-

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Tiền lương, thưởng	211.553.293	259.830.589
Cộng	211.553.293	259.830.589

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ .

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã được soát xét.



Hoàng Công Huân
Người lập
Hà Nội, 29 tháng 08 năm 2017



Trần Thị Len
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Độ
Tổng Giám đốc